

Bản án số: 151/2020/DSPT

Ngày: 03-7-2020

V/v tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**.

Ông **Lê Tự**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương L2** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03-7-2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2020/TLPT-DS ngày 17-02-2020 về “Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 12-9-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 902/2020/QĐ-PT ngày 05-6-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ liên lạc: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc H**; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị K**; địa chỉ cư trú: xã Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.
2. Ông **Nguyễn H**; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.
3. Bà **Nguyễn Thị T**; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.
4. Bà **Nguyễn Thị T1** (**Nguyễn Thị T1**); địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.
5. Bà **Nguyễn Thị T2**; địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
6. Bà **Nguyễn Thị X**; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

mặt.

7. Bà Hoàng Thị P; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

8. Chị Nguyễn Thị Mỹ L; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

9. Chị Nguyễn Thị Mộng L1; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

10. Chị Nguyễn Thị Mỹ L2; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Hoàng L3; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L2, anh L3: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị L có mặt.

12. Ông Nguyễn Ngọc C; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

13. Bà Hồ Thị X H; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

14. Huỳnh Hồng H; địa chỉ cư trú: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ liên lạc: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Ủy ban nhân dân huyện C; địa chỉ: huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện, có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa - Chi nhánh C; địa chỉ: huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn Đ - Giám đốc Chi nhánh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Cha, mẹ bà là cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N (đều chết năm 2015), sinh được 08 người con là: Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn B, bà (Nguyễn Thị N), Nguyễn H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 (Nguyễn Thị T1), Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Ngọc H.

Ông Nguyễn Văn B chết năm 1990, có vợ là bà Hoàng Thị P và có 04 con là Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1 và Nguyễn Hoàng L3.

Khi cha, mẹ bà còn sống có lập di chúc (có xác nhận của UBND xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa ngày 11-3-2003), định đoạt tài sản cho các con 03 thửa đất, cụ thể:

- 01 lô đất vườn xoài diện tích 2 sào 8 (nay là thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.546,1 m²).

- 01 lô đất màu diện tích 3 sào, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (nay là thửa đất số 13,

tờ bản đồ số 14, diện tích 3.185 m²).

- 01 lô đất địa (nay là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.252,9 m²).

Tại thời điểm năm 2003, ba (03) thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đều do ông Nguyễn Ngọc H quản lý. Tuy nhiên, năm 2014, ông Nguyễn Ngọc H được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) đối với 03 thửa đất nêu trên. Căn cứ để ông Nguyễn Ngọc H được cấp Giấy CNQSDĐ là “Giấy cho đất” năm 2001, có chữ ký của cha, mẹ và các anh chị em bà.

Bà Nguyễn Thị N khẳng định, bà cũng như các anh, chị em không ai ký tên vào tờ giấy này. Chữ viết trên tờ giấy có phải của cụ Nguyễn M hay không thì bà không biết, nhưng bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của cha, mẹ bà và của các anh chị em, cũng như của bà trên “Giấy cho đất 2001”.

Xác định, ông Nguyễn Ngọc H được cấp Giấy CNQSDĐ đối với 03 thửa đất nêu trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các anh chị em trong gia đình. Vì vậy, bà (N) đề nghị Tòa án hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02725 ngày 19-6-2014, do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.546,1 m², loại đất trồng cây lâu năm, đã được chỉnh lý cho ông Nguyễn Ngọc C, bà Hồ Thị X H ngày 17-10-2014 và cấp mới cho ông C, bà H ngày 14-7-2016.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02726 ngày 19-6-2014, do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.252,9 m², loại đất nuôi trồng thủy sản, đã được chỉnh lý cho ông Huỳnh Hồng H ngày 12-9-2017.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03078 ngày 11-02-2015, do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.185 m² (đất ở 400 m², đất trồng cây lâu năm 2.785 m²).

Đồng thời, yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của cha mẹ là cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N đã lập vào năm 2003 (có xác nhận của UBND xã C, huyện C).

- Đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, trong di chúc cụ Nguyễn M, cụ Nguyễn Thị N chưa quyết định, nên tài sản này là di sản chưa chia, đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Nếu được chia, bà muốn nhận bằng giá trị.

- Đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14 mà ông Nguyễn Ngọc C, bà Hồ Thị X H đang quản lý, sử dụng thì chia đều cho 8 anh em trong gia đình gồm: bà (N), bà K, bà P (vợ ông B), ông H, bà T, bà T1 (T1), bà T2 và ông H. Nếu được chia, bà muốn nhận bằng giá trị.

Bị đơn, ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông không đồng ý di chúc mà cha, mẹ ông lập năm 2003. Hiện tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, do ông đang quản lý, sử dụng. Nếu Tòa án xác định di chúc hợp lệ, thì ông đề nghị chừa nhà từ đường ra, còn lại chia cho 7 anh, chị em. Ông xin nhận hiện vật và thanh toán lại tiền cho các đồng thừa kế.

Đối với các thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14 thì ông đã sang nhượng cho ông Nguyễn Ngọc C, bà Hồ Thị X H và ông Huỳnh Hồng H

nên đề nghị giữ nguyên và thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Theo “Giấy cho đất” năm 2001 mà ông Nguyễn Ngọc H làm cơ sở để được cấp Giấy Giấy CNQSDĐ có chữ ký của cha, mẹ và các anh chị em bà ký tên, nhưng cha mẹ bà cũng như các anh chị em không ai ký tên vào tờ giấy này. Bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của cha, mẹ và các anh chị em cũng như của bà trên “Giấy cho đất 2001” và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Nếu được chia, bà đề nghị được nhận tất cả bằng giá trị (kể cả phần đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14).

- Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn H trình bày:

Theo “Giấy cho đất” năm 2001 mà ông Nguyễn Ngọc H làm cơ sở để được cấp Giấy Giấy CNQSDĐ có chữ ký của cha, mẹ và các anh chị em bà ký tên, nhưng cha mẹ cũng như các anh chị em trong gia đình không ai ký tên vào tờ giấy này. Các ông, bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của cha, mẹ và các anh chị em trên “Giấy cho đất 2001” và đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Nếu được chia, các ông bà đề nghị được nhận tất cả bằng giá trị (kể cả phần đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14).

- Bà Hoàng Thị P (là vợ ông Nguyễn Văn B) trình bày: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Nếu được chia, bà đề nghị được nhận tất cả bằng giá trị (kể cả phần đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14).

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Mỹ L2, chị Nguyễn Thị Mộng L1 và anh Nguyễn Hoàng L3 trình bày:

Các anh, chị đồng ý với ý kiến của mẹ là bà Hoàng Thị P.

- Ông Huỳnh Hồng H trình bày:

Tại thời điểm ông nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Ngọc H, thì ông chỉ biết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, tại thôn B, xã C, huyện C đã được UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Ngọc H (Giấy CNQSDĐ số CH02726 ngày 19-6-2014). Sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H tại Văn phòng C chứng Hoàng Huệ - Phạm Tuấn, ông đã nộp hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng đất theo quy định của pháp luật. Vì vậy, ông không đồng ý yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông.

- Bà Nguyễn Thị X trình bày.

Bà và ông Nguyễn Ngọc H đăng ký kết hôn năm 2000. Sau đó, sinh sống trên thửa đất cha, mẹ chồng để lại gồm có 01 căn nhà cấp 4. Năm 2015, vợ chồng bà sửa lại nhà thờ và tháng 8-2017, xây mới 01 căn nhà cấp 4, với số tiền vay mượn là 700.000.000 đồng. Bà X không đồng ý chia tài sản cho ai, vì vợ chồng bà nuôi cha, mẹ gần 20 năm nên cha, mẹ đã để lại quyền thừa kế cho chồng bà. Trong khi chờ cấp Giấy CNQSDĐ, Ủy ban có cử cán bộ về tận nhà hỏi và được cha, mẹ chồng bà nói với anh C (thôn phó): “Đứa nào nuôi ông, bà thì ông, bà để lại cho đứa đó”. Anh C có hỏi “Bây giờ vợ chồng H nuôi, để lại cho vợ chồng H đúng không”, bà trả lời “Đúng, để lại cho vợ chồng nó”; đồng thời, trong thời gian làm thủ tục cấp Giấy

CNQSDĐ không có ai khiếu nại gì, nên UBND huyện mới cấp Giấy CNQSDĐ cho chồng bà là đúng quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Năm 2000, em trai bà (Nguyễn Ngọc H) lập gia đình và ở chung với cha, mẹ bà. Năm 2003, bà với các anh chị bà đã đưa cha, mẹ đến UBND xã xã C làm di chúc, nhưng không có mặt em bà (H), trong khi đó em bà là người ở chung với cha, mẹ. Mặc dù, sau khi đã có di chúc, nhưng không có một ai nuôi cha mẹ bà ngày nào. Bà đã họp các anh chị em lại để phụ góp vô nuôi cha mẹ, nhưng không ai đồng ý. Cha, mẹ bà sống chung với em bà (H) suốt 18 năm, trong thời gian này, em bà (H) có bán đất vườn xoài để nuôi cha mẹ nên cha, mẹ bà đã cho em bà (H) đứng tên làm sổ đỏ và trong thời gian niêm yết cấp sổ, không ai tranh chấp, khiếu nại. Vì vậy, bà không đồng ý yêu cầu chia tài sản theo di chúc của bà Nguyễn Thị N.

- Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

+ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14: Có nguồn gốc do ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị N cho con là ông Nguyễn Ngọc H ngày 09-01-2001 (Giấy tờ cho đất không được chính quyền xác nhận). Ngày 19-6-2014, UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Ngọc H tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, tổng diện tích 2.546,1 m², loại đất LNQ, số vào sổ CH02725, số phát hành BT730871. Theo chính lý tại trang IV Giấy CNQSDĐ được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai C) xác nhận ngày 17-10-2014, thì thửa đất trên ông Nguyễn Ngọc H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc C, theo hồ sơ số 07725. Ngày 14-7-2016, UBND huyện C cấp đổi Giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Ngọc C và bà Hồ Thị X H tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, tổng diện tích 2.546,1 m², loại đất LNQ, số vào sổ CH00247, số phát hành CD 324489.

+ Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 12: Có nguồn gốc do ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị N cho con là ông Nguyễn Ngọc H ngày 09-01-2001 (Giấy tờ cho đất không được chính quyền xác nhận). Ngày 19-6-2014, UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Ngọc H tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 4.252,9 m², loại đất NTS, số vào sổ CH 02726, số phát hành BT730872. Theo chính lý tại trang IV Giấy CNQSDĐ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai C xác nhận ngày 12-9-2017, thì thửa đất trên ông Nguyễn Ngọc H đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Hồng H theo hồ sơ số 002726.CN.

+ Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14: Ngày 11-02-2015, UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Ngọc H tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.185 m² (trong đó: 400 m² đất ONT và 2.785 m² đất LNQ), số vào sổ CH03078, số phát hành BT964554, tại thôn B, xã C. Về nguồn gốc thửa đất được xác định do ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị N khai hoang. Đến ngày 09-01-2001, ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị N tặng cho con ruột là ông Nguyễn Ngọc H (Giấy tờ tặng cho không được chính quyền xác nhận), trên đất đã xây dựng nhà ở năm 1987. Từ căn cứ trên, UBND huyện C khẳng định đã thực hiện đúng quy định của pháp luật khi cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14 cho ông Nguyễn Ngọc H.

- Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa - Chi nhánh C trình bày:

Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa - Chi nhánh C đồng ý với ý kiến của

UBND huyện C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 12-9-2019, Tòa án nhân dân tỉnh khánh Hòa:

Căn cứ vào các Điều 122, 133, 611, 630, 635, 636, 650, 652, 659 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, Điều 34, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm k khoản 4 Điều 95 và Điều 168 của Luật Đất đai 2013; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hướng dẫn tại mục 2 khoản 2 C văn số 64/TANDTC-PC ngày 03-4-2019 của Tòa án nhân dân tối cao; C văn số 79/TANDTC-PC ngày 12-4-2019 của Tòa án nhân dân tối cao; tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1. Xác định di sản thừa kế do cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N để lại gồm:

- Một phần thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, tại thôn B, xã C, huyện C, được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN: CH03078 ngày 11-02-2015.

- Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, tại thôn B, xã C, huyện C, được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN: CH02725 ngày 19-6-2014.

- Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, tại thôn B, xã C, huyện C, được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số GCN: CH02726 ngày 19-6-2014.

2. Xác định căn nhà từ đường nằm trên diện tích 500 m² đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, tại thôn B, xã C, được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN: CH03078 ngày 11-2-2015 là nhà từ đường của cụ Nguyễn M (chết năm 2015) và cụ Nguyễn Thị N (chết năm 2015) để lại cho các con là Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn B (chết năm 1990 - có vợ là bà Hoàng Thị P và có 04 con là Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1, Nguyễn Hoàng L3), Nguyễn Thị N, Nguyễn H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 (T1), Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Ngọc H và giao cho ông Nguyễn Ngọc H tiếp tục quản lý.

3. Thanh toán giá trị di sản:

- Ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị N 25.775.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị T 47.949.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị K 47.949.000 đồng, cho ông Nguyễn H 47.949.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị T1 (T1) 47.949.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị T2 47.949.000 đồng; cho các con của ông Nguyễn Văn B là Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1 và Nguyễn Hoàng L3 47.949.000 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc H được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất là 2.685,0 m², bao gồm 300 m² đất ở nông thôn và 2.385,0 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, tại thôn B, xã C, huyện C (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ông Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN: CH03078 ngày 11-02-2015, do UBND huyện C cấp đổi với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, tại thôn B, xã C, huyện C.

- Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN: CH02725 ngày 19-6-2014 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H, đã chỉnh lý cho ông Nguyễn Ngọc C ngày 17-10-2014.

- Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN CH00247 ngày 14-7-2016 do UBND huyện C cấp đổi cho ông Nguyễn Ngọc C và bà Hồ Thị X H.

- Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất số GCN: CH02726 ngày 19-6-2014 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H, đã chỉnh lý cho ông Huỳnh Hồng H ngày 12-9-2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quy định về việc thi hành bản án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16-9-2019, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T1 (T1), ông Nguyễn H, bà Hoàng Thị P và các chị Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mộng L1 kháng cáo bản án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do chỉ được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên ngày 16-9-2019, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo; đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy các Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc H, trong đó có Giấy CNQSDĐ được chỉnh lý sang tên ông Nguyễn Ngọc C, bà Hồ Thị X H và ông Nguyễn Hồng H, đồng thời chia di sản thừa kế theo pháp luật; bị đơn, ông Nguyễn Ngọc H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T1 (T1), ông Nguyễn H, bà Hoàng Thị P và các chị Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mộng L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về nguồn gốc các thửa đất:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định cha, mẹ các ông bà là cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N tạo lập được 03 thửa

đất, gồm: 01 thửa đất vườn xoài diện tích 2 sào 8 (nay là thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.546,1 m²); 01 thửa đất màu diện tích 3 sào, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (nay là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.185 m²) và 01 thửa đất địa (nay là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.252,9 m²). Theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, có căn cứ để xác định cả 03 thửa đất nêu trên là của cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N.

[2.2]. Về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N sinh được 08 người con là (1) bà Nguyễn Thị K, (2) ông Nguyễn Văn B (chết năm 1990, vợ là bà Hoàng Thị P, có 04 con là chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Mỹ L2, chị Nguyễn Thị Mộng L1 và anh Nguyễn Hoàng L3), (3) bà Nguyễn Thị N, (4) ông Nguyễn H, (5) bà Nguyễn Thị T, (6) bà Nguyễn Thị T1 (T1), (7) bà Nguyễn Thị T2 và (8) ông Nguyễn Ngọc H. Cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N đều chết năm 2015, nên thời điểm mở thừa kế được xác định là năm 2015; theo quy định tại khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất được xác định là 08 người con có tên nêu trên, trong đó có 01 người con là ông Nguyễn Văn B chết năm 1990 (chết trước cụ M, cụ N), vì vậy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 650 và Điều 652 của Bộ luật Dân sự thì các con của ông B là chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Mỹ L2, chị Nguyễn Thị Mộng L1 và anh Nguyễn Hoàng L3 được thừa kế thế vị.

[2.3]. Về nội dung di chúc:

Cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N chết có để lại di chúc và di chúc này được UBND xã C xác nhận ngày 12-3-2003. Theo quy định tại khoản 1 Điều 630 của Bộ luật Dân sự thì đây là di chúc hợp pháp, do đó những người thừa kế theo di chúc có các quyền và nghĩa vụ về tài sản do cụ Nguyễn M và Nguyễn Thị N để lại.

Di sản mà cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N định đoạt theo Di chúc ngày 11-3-2003 (bút lục số 20, 21) là vườn xoài diện tích 2,8 sào được chia đều cho 8 người con; đất màu có diện tích 3,125 sào có nhà ở, chiều ngang 8 m làm nhà từ đường, còn lại chia cho 7 người con (trừ bà Nguyễn Thị N). Đối với thửa đất địa, trong di chúc cụ M và cụ N chưa định đoạt, nên được chia thừa kế theo pháp luật cho 8 người con.

[2.4]. Về di sản thừa kế:

Di sản do cụ Nguyễn M, cụ Nguyễn Thị N để lại gồm:

- Thửa đất màu có nhà từ đường, hiện nay là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.185,0 m² tại thôn B, xã C, huyện C, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03078, số phát hành BT 964554 do UBND huyện C cấp ngày 11-02-2015.

- Thửa đất vườn xoài, hiện nay là thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.546,1 m² tại thôn B, xã C, huyện C, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02725, số phát hành BT 730871 do UBND huyện C cấp ngày 19-6-2014.

- Thửa đất địa, hiện nay là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.252,9 m² tại thôn B, xã C, huyện C, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02726, số phát hành BT 730872 do

UBND huyện C cấp ngày 19-6-2014.

[2.5]. Về giá trị di sản thừa kế:

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 15-01-2019 (từ bút lục số 294 đến số 297), Hội đồng định giá tài sản tỉnh Khánh Hòa xác định:

- Giá trị về đất:

+ Thửa đất màu có nhà từ đường, hiện nay là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.185,0 m² tại thôn B, xã C, huyện C, có giá trị là 219.930.000 đồng.

+ Thửa đất vườn xoài, hiện nay là thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.546,1 m² tại thôn B, xã C, huyện C, có giá trị là 106.936.000 đồng.

+ Thửa đất địa, hiện nay là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.252,9 m² tại thôn B, xã C, huyện C, có giá trị là 125.035.000 đồng.

- Giá trị tài sản trên đất:

+ Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14 tại thôn B, xã C, huyện C có công trình kiến trúc trên đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không cung cấp được hồ sơ pháp lý, hồ sơ kỹ thuật của nhà và vật kiến trúc; đồng thời, bị đơn ông Nguyễn Ngọc H không có mặt, người nhà của bị đơn có hành vi cản trở, gây mất trật tự, không cho Hội đồng định giá vào xem xét hiện trạng, nên Hội đồng định giá tài sản tỉnh Khánh Hòa không xác định giá trị các công trình này.

+ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, tại thôn B, xã C, huyện C khóa cửa, đương sự không có mặt để mở cửa và Tòa án cấp sơ thẩm không cung cấp được hồ sơ pháp lý, hồ sơ kỹ thuật của nhà và vật kiến trúc, nên Hội đồng định giá không xác định được có tồn tại công trình kiến trúc nào hay không.

+ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.252,9 m² tại thôn B, xã C, huyện C có nhà 01 tầng, tường xây gạch táp lô, không tô, cửa gỗ, mái tôn không trần, kết cấu không hoàn chỉnh, chất lượng còn lại 50%, đơn giá 1.596.000 đồng/m² xây dựng; nhà vệ sinh có hầm tự hoại, lợp mái tôn, chất lượng còn lại 50%, đơn giá 2.652.000 đồng/m²; mái che cột kèo gỗ tiêu chuẩn, mái lợp tôn, nền xi măng, chất lượng còn lại là 50%, đơn giá 339.000 đồng/m². Do đương sự không đồng ý, nên không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được (bút lục số 290, 291), nên Hội đồng định giá tài sản không xác định được giá trị của các công trình kiến trúc này.

Như vậy, di sản do cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N để lại gồm 03 (ba) thửa đất có giá trị là: 219.930.000 đồng + 106.936.000 đồng + 125.035.000 đồng = **451.901.000 đồng.**

[2.6]. Về công sức bảo quản di sản:

Các đồng thừa kế đều xác nhận cha, mẹ (cụ Nguyễn M, Nguyễn Thị N) ở với ông Nguyễn Ngọc H cho đến khi chết. Sau khi cha, mẹ chết, ông H tiếp tục quản lý toàn bộ di sản thừa kế, nên xem xét tính công sức đóng góp giữ gìn tài sản là một kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Ngọc H.

[2.7]. Về phân chia di sản:

Cả 03 (ba) thửa đất mà cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N để lại, thì ông Nguyễn Ngọc H đều đã đăng ký kê khai và được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Căn cứ

để được cấp 03 (ba) Giấy CNQSDĐ này là “Giấy cho đất” ngày 09-01-2001, có chữ ký của cha, mẹ và các anh, chị, em của ông Nguyễn Ngọc H. Mặc dù, các anh, chị, em của ông H không thừa nhận chữ ký của họ tại “Giấy cho đất” này, nhưng họ không đề nghị giám định chữ ký; đồng thời, các đương sự này đều xác nhận khi còn sống cha, mẹ ở với ông H, sau khi cha, mẹ chết, ông H tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất nêu trên. Mặt khác, sau khi được cấp Giấy CNQSDĐ đối với 03 thửa đất, ông Nguyễn Ngọc H đã chuyển nhượng thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14 cho ông Nguyễn Ngọc C và bà Hồ X H; chuyển nhượng thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12 cho ông Huỳnh Hồng H. Do đó, cần giao di sản thừa kế (03 thửa đất) cho ông Nguyễn Ngọc H quản lý, sử dụng và buộc ông H thanh toán lại giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác. Như vậy, di sản thừa kế được phân chia như sau:

- Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.185,0 m² tại thôn B, xã C, huyện C, trị giá 219.930.000 đồng, thì trích 500 m² (gồm có 100 m² đất ở và 400 m² đất quả), trên đất có nhà của cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N làm nhà từ đường; diện tích còn lại là 2.685,0 m² (gồm 300 m² đất ở nông thôn và 2.385,0 m² đất trồng cây lâu năm), có giá trị là 177.390.000 đồng (257.400 đồng/m² x 300 m² + 42.000 đồng/m² x 2.385 m²). Theo Di chúc ngày 11-3-2003, thì thửa đất này không chia cho bà Nguyễn Thị N, do đó sẽ được chia làm 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 22.173.750 đồng (177.390.000 đồng : 8), ông Nguyễn Ngọc H được nhận 2 kỷ phần (trong đó có 1 kỷ phần do có công sức đóng góp giữ gìn tài sản) là 44.347.500 đồng; còn lại bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2 và các con của ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1 và Nguyễn Hoàng L3), mỗi kỷ phần được nhận 22.173.750 đồng (làm tròn là 22.174.000 đồng).

- Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, có diện tích đất trồng cây lâu năm là 2.546,1 m² tại thôn B, xã C, huyện C, trị giá 106.936.000 đồng. Theo Di chúc ngày 11-3-2003, thì thửa đất này được chia đều cho 08 người con, do đó sẽ được chia làm 9 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị là: 11.881.777 đồng (106.936.000 đồng : 9); ông Nguyễn Ngọc H được nhận 2 kỷ phần (trong đó có 1 kỷ phần do có công sức đóng góp giữ gìn tài sản) là 23.763.555 đồng (làm tròn là 23.764.000 đồng); còn lại bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T, ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2 và các con của ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1 và Nguyễn Hoàng L3), mỗi kỷ phần được nhận 11.881.777 đồng (làm tròn là 11.882.000 đồng).

- Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, có diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 4.252,9 m², tại thôn B, xã C, huyện C, trị giá 125.035.000 đồng. Thửa đất này chưa được Di chúc ngày 11-3-2003 định đoạt, do đó sẽ chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là các con của cụ Nguyễn M, cụ Nguyễn Thị N. Đối với kỷ phần của ông Nguyễn Văn B (chết trước cụ M, cụ N) thì theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các con của ông B là Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1 và Nguyễn Hoàng L3 được thừa kế thế vị. Như vậy, giá trị của thửa đất này sẽ được chia làm 9 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 13.892.777 đồng; ông Nguyễn Ngọc H được nhận 2 kỷ phần (trong đó có 1 kỷ phần do có công sức đóng góp giữ gìn tài sản) là 27.785.555 đồng (làm tròn là 27.786.000 đồng); còn lại bà Nguyễn Thị N, Nguyễn

Thị T, ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2 và các con của ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1 và Nguyễn Hoàng L3), mỗi kỳ phần được 13.892.777 đồng (làm tròn là 13.893.000 đồng).

Như vậy, giá trị di sản các thừa kế được nhận là:

- (1) bà Nguyễn Thị N được nhận phần di sản có giá trị là 25.775.000 đồng; (2) bà Nguyễn Thị T được nhận phần di sản có giá trị là 47.949.000 đồng; (3) ông Nguyễn H được nhận phần di sản có giá trị là 47.949.000 đồng; (4) bà Nguyễn Thị K được nhận phần di sản có giá trị là 47.949.000 đồng; (5) bà Nguyễn Thị T1 (T1) được nhận phần di sản có giá trị là 47.949.000 đồng; (6) bà Nguyễn Thị T2 được nhận phần di sản có giá trị là 47.949.000 đồng; (7) chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Mỹ L2, chị Nguyễn Thị Mộng L1 và anh Nguyễn Hoàng L3 được nhận phần di sản là 47.949.000 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc H được nhận phần di sản có giá trị là 95.897.500 đồng và có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 25.775.000 đồng, bà Nguyễn Thị T số tiền là 47.949.000 đồng, ông Nguyễn H số tiền là 47.949.000 đồng, bà Nguyễn Thị K số tiền là 47.949.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1 (T1) số tiền là 47.949.000 đồng, bà Nguyễn Thị T2 số tiền là 47.949.000 đồng, các con của ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1 và Nguyễn Hoàng L3) số tiền là 47.949.000 đồng.

[2.8]. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14:

Tại thời điểm chung sống cùng cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Ngọc H đã đăng ký kê khai đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, có nguồn gốc cha, mẹ tặng cho và ngày 19-6-2014, được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02725, số phát hành BT 730871. Sau khi được cấp Giấy CNQSDĐ, ngày 17-10-2014, ông H chuyển nhượng thửa đất này cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc C, bà Hồ Thị X H. Như vậy, việc đăng ký, kê khai để được cấp Giấy CNQSDĐ và việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14 được thực hiện trong thời gian cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N vẫn còn sống, nhưng hai cụ không ai có ý kiến gì. Mặc dù, việc chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Ngọc H đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác, nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đồng thừa kế đều có yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng giá trị, tại phiên tòa sơ thẩm chỉ có bà Nguyễn Thị T yêu cầu nhận bằng hiện vật, nhưng bà T đã có chỗ ở ổn định ở nơi khác, không trực tiếp sản xuất tại xã C. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02725, số phát hành BT 730871 ngày 19-6-2014, do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H (đã chỉnh lý cho ông Nguyễn Ngọc C ngày 17-10-2014) và buộc ông H có trách nhiệm thanh toán lại giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho thửa đất số 6,

tờ bản đồ số 12:

Cũng trong thời gian chung sống cùng cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Ngọc H đã đăng ký kê khai đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, có nguồn gốc cha, mẹ tặng cho và ngày 19-6-2014, được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02726, số phát hành BT 730872. Việc đăng ký, kê khai để được cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất này được thực hiện trong thời gian cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N vẫn còn sống, nhưng hai cụ không ai có ý kiến gì. Sau khi được cấp Giấy CNQSDĐ, ngày 01-9-2017, ông Nguyễn Ngọc H chuyển nhượng cho ông Huỳnh Hồng H (được Văn phòng công chứng Hoàng Huệ - Phạm Tuấn chứng thực) và ngày 12-9-2017 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại C chỉnh lý tại trang VI của Giấy CNQSDĐ. Như vậy, việc nhận chuyển nhượng đất, đăng ký chỉnh lý của ông Huỳnh Hồng H được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật; do đó, theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật Dân sự, hướng dẫn tại mục 2 khoản 2 C văn số 64/TANDTC-PC ngày 03-4-2019 của Tòa án nhân dân tối cao và C văn số 79/TANDTC-PC ngày 12-4-2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đồng thừa kế khác đều có yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng giá trị, tại phiên tòa sơ thẩm chỉ có bà Nguyễn Thị T yêu cầu nhận hiện vật, nhưng bà T cũng đã có chỗ ở ổn định, không trực tiếp sản xuất tại xã C. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02726, số phát hành BT 730872 ngày 19-6-2014, do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H (đã chỉnh lý cho ông Huỳnh Hồng H ngày 12-9-2017) và buộc ông H có trách nhiệm thanh toán lại giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác là đúng pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T1 (T1), ông Nguyễn H, bà Hoàng Thị P và các chị Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mộng L1.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 12-9-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh khánh Hòa.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 133, 611, 630, 635, 636, 643, 645, 650, 651, 652, 659 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm k khoản 4 Điều 95 và Điều 168 của Luật Đất đai năm 2013.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

2.1. Xác định di sản thừa kế do cụ Nguyễn M và cụ Nguyễn Thị N để lại gồm:

- Một phần thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14 tại thôn B, xã C, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03078, số phát hành BT 964554 do UBND huyện C cấp ngày 11-02-2015.

- Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, tại thôn B, xã C, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02725, số phát hành BT 730871 do UBND huyện C cấp ngày 19-6-2014.

- Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, tại thôn B, xã C, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02726, số phát hành BT 730872 do UBND huyện C cấp ngày 19-6-2014.

2.2. Xác định căn nhà từ đường nằm trên diện tích 500 m² đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, tại thôn B, xã C (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03078, số phát hành BT 964554 do UBND huyện C cấp ngày 11-02-2015) là nhà từ đường của cụ Nguyễn M (chết năm 2015) và cụ Nguyễn Thị N (chết năm 2015) để lại cho các con là bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn B (chết năm 1990 - có vợ là bà Hoàng Thị P và có 04 con là Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1 và Nguyễn Hoàng L3), bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 (T1), bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Ngọc H và giao cho ông Nguyễn Ngọc H tiếp tục quản lý.

2.3. Thanh toán giá trị di sản:

- Ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị N 25.775.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị T 47.949.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị K 47.949.000 đồng, cho ông Nguyễn H 47.949.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị T1 (T1) 47.949.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị T2 47.949.000 đồng; cho các con của ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Mộng L1 và Nguyễn Hoàng L3) 47.949.000 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc H được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất là 2.685,0 m², bao gồm 300 m² đất ở nông thôn và 2.385,0 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số

13, tờ bản đồ số 14, tại thôn B, xã C, huyện C (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm) và có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03078, số phát hành BT 964554 do UBND huyện C cấp ngày 11-02-2015.

- Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02725, số phát hành BT 730871 ngày 19-6-2014, do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H (được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại C chỉnh lý cho ông Nguyễn Ngọc C ngày 17-10-2014) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN CH00247 ngày 14-7-2016, do UBND huyện C cấp đổi cho ông Nguyễn Ngọc C và bà Hồ Thị X H.

- Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02726, số phát hành BT 730872 ngày 19-6-2014, do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H (được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại C chỉnh lý cho ông Huỳnh Hồng H ngày 12-9-2017).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T1 (T1), ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị P, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa nay được chuyển thành án phí, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị N được trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001018 ngày 17-10-2019; bà Nguyễn Thị T được trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001021 ngày 17-10-2019 (do bà Nguyễn Thị N nộp thay); bà Nguyễn Thị K được trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001020 ngày 17-10-2019 (do bà Nguyễn Thị N nộp thay); bà Nguyễn Thị T1 (T1) được trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001017 ngày 17-10-2019 (do bà Nguyễn Thị N nộp thay); ông Nguyễn H được trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001019 ngày 17-10-

2019 (do bà Nguyễn Thị N nộp thay); bà Hoàng Thị P được trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001016 ngày 17-10-2019 (do bà Nguyễn Thị N nộp thay).

- Các đương sự đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Cường